|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH  **TRƯỜNG PT DÂN TỘC NỘI TRÚ**  Số: 101 /BC-PTDTNT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Tây Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2025* |

**PHỤ LỤC I**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
Năm: 2024**

**I. THÔNG TIN CHUNG2**

**Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 78, đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Điện thoại: 0276.3926575

- Địa chỉ thư điện tử: dantocnoitrutayninh@gmail.com

- Trang thông tin điện tử (Website): http://thptdantocnoitru.giaoductayninh.vn/

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mạng: Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập thân thiện, có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo với cách “học trải nghiệm sáng tạo, sống có trách nhiệm, yêu thương”

Xây dựng nhà trường trở thành **môi trường học tập tích cực, an toàn, thân thiện để mỗi cá nhân đều có thể phát huy tiềm năng của bản thân nhằm vươn tới sự hoàn thiện về nhân cách, trí tuệ.**

Tầm nhìn: Trường Phổ thông dân tộc nội trú luôn hướng tới trường chất lượng giáo dục học sinh dân tộc cao; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gởi gắm con em dân tộc thiểu số của địa phương; nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công đạt mục tiêu chiến lược về giáo dục con người mới Việt Nam: Tự tin, có hiểu biết cơ bản tốt, có lòng yêu nước, có kỹ năng sống hợp tác và thích ứng với môi trường

Mục tiêu của cơ sở giáo dục: 1. Trường PTDTNT được Nhà nước thành lập cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng này.

- Tăng cường giáo dục chăm sóc sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống, kỹ năng phòng tránh và ứng phó với xâm hại tình dục trong học đường; giáo dục học sinh kĩ năng hoạt động xã hội với các nội dung thiết thực, phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi và đặc điểm văn hóa DTTS.

- Tổ chức đời sống nội trú cho 100% học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Vị trí: Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, được thành lập theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh.

- Chức năng: Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh có chức năng giáo dục học sinh dân tộc nhằm trang bị kiến thức công dân; bảo đảm cho học sinh củng cố, phát triển kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có hiểu biết thông thường về kỹ thuật, hướng nghiệp; có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Lê Thị Tươi

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc:

Số điện thoại: 0276.3926575

Địa chỉ thư điện tử: lethituoitayninh@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định thành lập: Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, được thành lập theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường: Quyết định số 225/QĐ-SGDĐT ngày 20 tháng 1 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh

- Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 1267/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc công nhận thành viên Hội đồng trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh

- Danh sách thành viên hội đồng trường; đính kèm theo quyết định

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 2108/QĐ-SGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục (Bà Lê Thị Tươi – Hiệu trưởng, đính kèm Quyết định)

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 3037/QĐ-SGDĐT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục (Ông Lê Minh Trung –Phó Hiệu trưởng, đính kèm Quyết định)

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 3067/QĐ-SGDĐT ngày 7 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục (Bà Nguyễn Thị Lương Yên –Phó Hiệu trưởng, đính kèm Quyết định)

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 340/QĐ-SGDĐT ngày 21 tháng 1 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý giáo dục (Ông Lê Văn Ngọt –Phó Hiệu trưởng, đính kèm Quyết định)

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

**\* Cơ chế hoạt động của trường:**

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động; tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức, xét duyệt kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT, ký xác nhận hoàn thành chương trình Phổ hotn6g cho học sinh lớp 12 và quyết định khen thưởng học sinh.

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

**\* Vị trí chức năng:**

- Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh;.

- Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng theo quy định của pháp luật.

**\* Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:**

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất

lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chưong trình giáo dục phổ thông cấp THCS, THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện huy động vận động và tạo điều kiện cho học sinh dân tộc đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, THPT theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**\* Sơ đồ tổ chức bộ máy trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh.**

TỔ VĂN PHÒNG

LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO

ĐOÀN TNCSHCM- ĐỘI TN TP HCM

HỖ VŨ TOÀN

TRẦN NGUYÊN THI CẨM HÀ

CHI BỘ

BT. LÊ THỊ TƯƠI

HIỆU TRƯỞNG

LÊ THỊ TƯƠI

CÔNG ĐOÀN

NGUYỄN MINH TRÍ

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

LÊ VĂN NGỌT

NGUYỄN THỊ LƯƠNG YÊN

LÊ MINH TRUNG

BAN ĐẠI DIỆN CMHS

TRẦN VĂN ĐẦY

TỔ CHUYÊN MÔN

LÝ-HÓA-SINH

TRẦN THỊ TỐ LOAN

TỔ CHUYÊN MÔN TOÁN- TIN

NGUYỄN MINH TRÍ

TỔ CHUYÊN MÔN KHXH-THCS

LÊ THỊ HỒNG DUYÊN

TỔ CHUYÊN MÔN TD-AN-MT

NGUYỄN THỊ HÂN

TỔ CHUYÊN MÔN KHXH-THPT

LÊ ĐỒNG QUANG

**đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);**

Quyết định thành lập: Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, được thành lập theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh

**e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).**

Địa chỉ nơi làm việc: trụ sở chính: Số 78, đường Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Điện thoại: 0276.3926575

- Quy chế làm việc

- Quy chế chi tiêu nội bộ

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Quyết định thành lập trường, Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Quy chế dân chủ ở cơ sở của đơn vị; các nghị quyết của hội đồng trường;

Quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nghị quyết của hội đồng trường

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN3**

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: Tổng số cán bộ, viên chức của đơn vị: 64, trong đó cán bộ quản lý 4, giáo viên THCS 26, giáo viên THPT 21, nhân viên 6, hợp đồng theo NĐ111: 7.

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: Số cán bộ, viên chức của đơn vị đạt chuẩn theo quy định 57, trong đó cán bộ quản lý 4/4 đạt chuẩn và trên chuẩn, giáo viên THCS 26/26 đạt chuẩn và trên chuẩn, giáo viên THPT 21/21 đạt chuẩn và trên chuẩn, nhân viên 6/6 đạt chuẩn và trên chuẩn, hợp đồng theo NĐ111 1/1 đạt chuẩn, 6/7 không có chuẩn quy định.

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: Số cán bộ, viên chức của đơn vị hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định 55/56, trong đó cán bộ quản lý 3/4, giáo viên THCS 26/26, giáo viên THPT 21/21, nhân viên 6/6.

Số liệu cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | | Nội dung | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | | Chuẩn nghề nghiệp | | | | |
| TS | ThS | ĐH | CĐ | TC | | Dưới TC | Hạng III | Hạng II | Hạng I | Xuất sắc | Khá | Trung bình | Kém | |
| **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | 64 |  | 10 | 42 | 2 | 3 | | 6 | 22 | 32 |  | 5 | 46 |  |  | |
| **I** | | **Giáo viên**  Trong đó số giáo viên dạy môn: | 46 |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 1 | | Toán THCS |  |  | 1 | 3 |  |  | |  |  | 4 |  |  | 4 |  |  | |
| Toán THPT |  |  | 2 |  |  |  | |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  | |
| 2 | | Lý THCS |  |  |  | 3 |  |  | |  |  | 3 |  |  | 3 |  |  | |
| Lý THPT |  |  | 2 | 1 |  |  | |  | 3 |  |  |  | 3 |  |  | |
| 3 | | Hóa THCS |  |  |  | 1 |  |  | |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  | |
| Hóa THPT |  |  |  | 1 |  |  | |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  | |
| 4 | | Sinh THCS |  |  |  | 1 |  |  | |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  | |
| Sinh THPT |  |  |  | 1 |  |  | |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  | |
| 5 | | Văn THCS |  |  |  | 5 |  |  | |  |  | 5 |  |  | 5 |  |  | |
| Văn THPT |  |  |  | 2 |  |  | |  | 1 | 1 |  |  | 2 |  |  | |
| 6 | | Sử THCS |  |  |  | 2 |  |  | |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  | |
| Sử THPT |  |  |  | 1 |  |  | |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  | |
| 7 | | Địa THCS |  |  |  | 2 |  |  | |  | 1 | 1 |  |  | 2 |  |  | |
| Địa THPT |  |  | 1 |  |  |  | |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  | |
| 8 | | GDCD THCS |  |  |  | 1 |  |  | |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  | |
| GDCD THPT |  |  |  | 1 |  |  | |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  | |
| 9 | | GDTC THCS |  |  |  | 3 |  |  | |  |  | 3 |  | 1 | 2 |  |  | |
| GDTC THPT |  |  | 1 |  |  |  | |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  | |
| 10 | | Công nghệ THCS |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Công nghệ THPT |  |  |  | 1 |  |  | |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  | |
| 11  12 | | Tiếng Anh THCS |  |  |  | 2 |  |  | |  |  | 2 |  |  | 2 |  |  | |
| Tiếng Anh THPT |  |  |  | 4 |  |  | |  | 4 |  |  |  | 4 |  |  | |
| 13 | | GDQP-AN |  |  | 1 |  |  |  | |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  | |
| 14 | | Âm nhạc |  |  |  | 1 |  |  | |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  | |
| 15 | | Mỹ thuật |  |  |  | 1 |  |  | |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  | |
| 16 | | Tin học THCS |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Tin học THPT |  |  |  | 2 |  |  | |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  | |
| **II** | | **Cán bộ quản lý** | 4 |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 1 | | Hiệu trưởng |  |  | 1 |  |  |  | |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  | |
| 2 | | Phó hiệu trưởng |  |  | 1 | 2 |  |  | |  | 1 | 2 |  |  | 3 |  |  | |
| **III** | | **Nhân viên** | 14 |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 1 | | Nhân viên văn thư |  |  |  |  |  | 1 | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 2 | | Nhân viên kế toán |  |  |  | 1 |  |  | |  | 1 |  |  |  |  |  |  | |
| 3 | | Thủ quỹ |  |  |  |  | 1 |  | |  | 1 |  |  |  |  |  |  | |
| 4 | | Nhân viên y tế |  |  |  |  |  | 1 | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 5 | | Nhân viên thư viện |  |  |  |  | 1 |  | |  | 1 |  |  |  |  |  |  | |
| 6 | | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 7 | | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 8 | | Nhân viên công nghệ thông tin |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 9 | | Nhân viên giáo vụ |  |  |  |  | 1 |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 10 | | Tổng phụ trách Đội |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| 11 | | Bảo vệ |  |  |  |  |  |  | | 4 |  |  |  |  |  |  |  | |
| 12 | | Phục vụ |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  |  | |
| 13 | | Kỹ thuật điện nước |  |  |  |  |  | 1 | |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | | | | | | | |  | | | | | | | | |

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT4**

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | | | | | **Số lượng** | **Bình quân** | |
| **I** | **Số phòng học** | | | | | 20 | Số 1.5m2/học sinh | |
| **II** | **Loại phòng học** | | | | |  | - | |
| 1 | Phòng học kiên cố | | | | | 20 | 1.5m2/học sinh | |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | | | | | 0 | - | |
| 3 | Phòng học tạm | | | | | 0 | - | |
| 4 | Phòng học nhờ | | | | | 0 | - | |
| 5 | Số phòng học bộ môn | | | | | 9 | 1.5m2/học sinh | |
| 6 | Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn) | | | | | 3 | 1.5m2/học sinh | |
| 7 | Bình quân lớp/phòng học | | | | | 1 | 1.5m2/học sinh | |
| 8 | Bình quân học sinh/lớp | | | | | 30 | 1.5m2/học sinh | |
| **III** | **Số điểm trường** | | | | |  | - | |
| **IV** | **Tổng số diện tích đất (m2)** | | | | | 133087 | 26,4 | |
| **V** | **Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)** | | | | | 1320 | 2,6 | |
| **VI** | **Tổng diện tích các phòng** | | | | | 769 | 1,5 | |
| 1 | Diện tích phòng học (m2) | | | | | 35 | 1 | |
| 2 | Diện tích phòng học bộ môn (m2) | | | | | 434 | 0,8 | |
| 3 | Diện tích thư viện (m2) | | | | | 79 | 0,15 | |
| 4 | Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m2) | | | | | 614 | 1,2 | |
| 5 | *Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m2)* | | | | | 30 | 0,05 | |
| **VII** | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu**  (Đơn vị tính: bộ) | | | | | 1 | Số bộ/lớp | |
| 1 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định | | | | | 7 | 7/20 | |
| 1.1 | Khối lớp 6,7,8,9 | | | | | 4 | 4/12 | |
| 1.2 | Khối lớp 10,11,12 | | | | | 3 | 3/8 | |
| 1.3 | Khối lớp... | | | | |  |  | |
| 2 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định | | | | | 0 |  | |
| 2.1 | Khối lớp... | | | | |  |  | |
| 2.2 | Khối lớp... | | | | |  |  | |
| 2.3 | Khối lớp... | | | | |  |  | |
| 3 | Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị) | | | | | 0 |  | |
| 4 | … | | | | |  |  | |
| **VIII** | **Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập**  (Đơn vị tính: bộ) | | | | | 78 | Số học sinh/bộ | |
| **IX** | **Tổng số thiết bị dùng chung khác** | | | | |  | Số thiết bị/lớp | |
| **1** | **Ti vi** | | | | | 20 | 20/20 | |
| **2** | **Cát xét** | | | | | 2 | 2/20 | |
| **3** | **Đầu Video/đầu đĩa** | | | | | 1 |  | |
| **4** | **Máy chiếu OverHead/projector/vật thể** | | | | | 5 | 5/20 | |
| **5** | **Thiết bị khác...(bảng tương tác, màng hình tivi thông minh)** | | | | | 5 | 5/20 | |
|  | Nội dung | Số lượng (m2) | | | | | | |
| **X** | **Nhà bếp** | 2 (50) | | | | | | |
| **XI** | **Nhà ăn** | 2 (635) | | | | | | |
|  | Nội dung | | Số lượng phòng, tổng diện tích (m2) | Số chỗ | | | Diện tích bình quân/chỗ | |
| **XII** | **Phòng nghỉ cho học sinh bán trú** | |  |  | | |  | |
|  | **Khu nội trú** | | 108 (4032) | 672 | | | 6m2 | |
| **XIV** | **Nhà vệ sinh** | | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | | Số m2/học sinh | |
|  | Chung | Nam/Nữ | | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | | 8 | 8 | 4/4 | | 8.8 | 0.3 |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* | |  |  |  | |  |  |

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC5**

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | - |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | - |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.6 |  | X | X | X |

**Kết quả: Đạt Mức 3**

**Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **(Khoản, Điều)** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |  |
| Khoản 1, Điều 22 |  | X |  |
| Khoản 2, Điều 22 |  | X |  |
| Khoản 3, Điều 22 |  | X |  |
| Khoản 4, Điều 22 |  | X |  |
| Khoản 5, Điều 22 |  | X |  |
| Khoản 6, Điều 22 |  | X |  |

**Kết quả: Không đạt Mức 4**

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 3**

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Đơn vị chưa thực hiện đánh giá ngoài.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường (đính kèm phụ lục biên bản tuyển sinh)

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp (*đính kèm kết quả 2 mặt giáo dục*)

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông (đính kèm kết quả xét tốt nghiệp THCS và tốt nghiệp THPT)

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không

**VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH7**

**Điều 5. Thu, chi tài chính**

*Đính kèm phụ lục báo cáo tài chính*

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

**Kết quả chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học**

**1.Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường**

* Trường có 19 lớp gồm: Cấp THPT (lớp 10: 03; lớp 11: 02; lớp 12: 02); Cấp THCS (lớp 6: 03; lớp 7: 03; lớp 8: 03; lớp 9: 03).
* Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo khung thời gian 37 tuần, gồm 35 tuần thực học và 2 tuần tổ chức các hoạt động khác theo quy định (thực hiện theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về Khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Tây Ninh, đảm bảo thời gian khai giảng và bắt đầu Học kỳ I ngày 05/9/2024 và kết thúc năm học thống nhất ngày 24/5/2025, phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
* Tích cực đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông. Thực hiện chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục, tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.
* Nhà trường hoàn thành chương trình GDPT 2018 từ lớp 6 đến lớp 12 năm học 2024-2025. Tuy nhiên, một số bộ môn do giáo viên đi công tác, nghỉ lễ hoặc do trình độ học sinh quá yếu phải dạy chậm,…) đã được dạy bù, dạy thay đầy đủ đúng chương trình 37 tuần trong đó có 35 tuần thực dạy theo PCCM.
* Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chức dạy học phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, trong đó lưu ý một số nội dung sau: Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của nhà trường đáp ứng tốt kế hoạch giáo dục của các môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng phân phối chương trình các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế, năng lực đội ngũ giáo viên của nhà trường..
* Đối với các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp trung học phổ thông được xếp lớp theo từng môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn đáp ứng tối đa nguyện vọng của học sinh; tổ chức tốt việc tư vấn và cho học sinh đăng kí, lựa chọn các môn học, chuyên đề học tập lựa chọn bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.
* Đối với môn Khoa học tự nhiên: Nhà trường phân công giáo viên dạy học môn học bảo đảm yêu cầu, phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên; bố trí thời gian, thời điểm dạy học các mạch nội dung linh hoạt trong từng học kì.
* Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nội dung giáo dục của địa phương phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên; Xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục có nội dung liên quan.
* Đối với các môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn cấp trung học phổ thông: tổ chức riêng các lớp học theo từng môn học lựa chọn (tổ hợp), chuyên đề học tập lựa chọn; bố trí số học sinh theo từng lớp học và xây dựng thời khóa biểu phù hợp để đáp ứng tối đa nguyện vọng của học sinh.

*Về dạy học lồng ghép*

* Thực hiện lồng ghép các nội dung: xây dựng văn hóa học đường, giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; phòng chống tác hại của thuốc lá, giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số và các nội dung giáo dục lồng ghép phù hợp khác theo quy định.

*Chuyên đề học tập lựa chọn:*

* Các khối lớp thực hiện tổ hợp môn học bắt buộc và môn học tự chọn

Tổ hợp 1: Lý – Địa – GDKTPL – Công nghệ Chuyên đề: Toán – Văn – Địa

Tổ hợp 2: Sinh – Địa – GDKTPL – Tin học Chuyên đề: Toán – Văn – Sử

**2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học**

* Kế hoạch bài dạy (giáo án) được xây dựng bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.Giáo viên đổi mới và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh bảo đảm chất lượng, dành nhiều thời gian cho học sinh khai thác sử dụng sách giáo khoa, thực hành, thí nghiệm để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hoàn thành sản phẩm học tập cụ thể theo yêu cầu của giáo viên
* Đối với môn Lịch sử, chỉ đạo giáo viên đã tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.
* Đối với môn Ngữ văn, đã thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022.
* Sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; tham gia các hội thảo, tọa đàm trao đổi về triển khai thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của CT GDPT 2018.
* Tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao, hoạt động ngoại khóa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học; Thực hiện tốt việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp.
* Thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục: ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

**3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá**

* Thực hiện đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo đúng quy định của Thông tư Bộ GD, *không vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình*, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; tăng cường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đối với *môn Ngữ văn, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu* kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.
* Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra theo *yêu cầu cần đạt* của chương trình môn học, nhằm đảm bảo việc ra đề được khách quan, công bằng, đánh giá đúng thực chất năng lực học sinh, góp phần hạn chế các tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá. *Chuẩn bị cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10, học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông.*

**Kết quả** (*kèm theo Báo cáo 2 mặt giáo dục nhà trường*)

**4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng**

* Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp cho học sinh.
* Thực hiện có hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường trung học; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh.

**5. Thực hiện quy chế chuyên môn**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổ** | **Kiểm tra hồ sơ** | **Vắng** | **Hội giảng** | **Dự giờ** | **Chuyên đề** | | **Đồ dùng dạy học** | | **Dạy TN-TH** | **KHKT** | | **Sáng kiến** | **Ngoại khóa** |
| **Tổ** | **GV** | **Tổ** | **GV** | **Tỉnh** | **QG** |
| **Toán** | 8 | 8 | 16 | 145 | 4 | 8 | 16 | 16 | 275 |  |  | 0 | 3 |
| **Lý** | 10 | 3 | 20 | 97 | 4 | 10 |  |  | 123 | 1 | 1 | 4 | 4 |
| **KHXH THPT** | 8 | 8 | 14 | 102 | 2 |  |  |  | 0 | 1 |  | 3 | 2 |
| **KHXH THCS** | 13 | 13 | 26 | 125 | 2 |  |  | 26 | 0 |  |  | 5 | 4 |
| **TD** | 8 | 13 | 16 | 104 | 2 |  | 1 | 16 | 32 |  |  | 4 | 3 |
| **Tổng** | **47 x 8** | **45** | **94** | **573** | **14** | **47** | **17** | **58** | **430** | **2** | **1** | **16** | **16** |

*Về thực hiện công khai trong giáo dục*

* Kết quả Hội nghị CMHS, Hội nghị CBVC, nhà trường công khai cho toàn thể CB-GV, học sinh và CMHS của trường biết và theo dõi, giám sát về Thực hiện Chương trình, lựa chọn SGK, kiểm tra đánh giá, Thông tư Bộ Giáo dục

*Về đổi mới công tác quản lý chuyên môn*

* Nền nếp dạy học, chuyên môn được duy trì và giữ vững. Tỉ lệ học sinh bỏ học giảm so với năm học trước *4,59% giảm còn 4,04 %.* Tăng cường công tác dự giờ, rút kinh nghiệm thực hiện CTGDPT 2018.
* Tổ chức tự học buổi tối, thực hiện các chuyên đề, làm và sử dụng các đồ dùng dạy học, thí nghiệm thực hành có hiệu quả

**Cuối năm học:**

* 100% giáo viên hoàn thành chương trình. Đảm bảo các tiết dạy trên lớp, dạy thay, dạy bù. Riêng các tiết vắng toàn trường được xếp bù thống nhất toàn trường.
* Không có giáo viên vi phạm qui chế chuyên môn.
* 100% giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn do Sở giáo dục tổ chức.
* Xây dựng ma trận đề, bản đặc tả, dạy tích hợp lồng ghép, giáo dục kỹ năng sống, nâng cao năng lực quản lý TTCM, đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn qua đó dành nhiều thời gian hơn cho việc rút kinh nghiệm kết quả các kỳ kiểm tra; các tiết dạy dự giờ; bàn biện pháp đổi mới phương pháp giảng dạy, việc thực hiện các chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa, các buổi hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, biện pháp giúp học sinh yếu kém...
* Có kế hoạch kiểm tra nội bộ, dự giờ giáo viên và góp ý nâng cao trình độ chuyên môn, cải thiện chất lượng bộ môn.
* Cho điểm đúng Thông tư quy định của Bộ GD&ĐT.

*\* Thực hiện Chuyên đề:* thực hiện các chuyên đề như đổi mới kiểm tra đánh giá, đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên và ôn thi tốt nghiệp sớm cho học sinh khối 12. Mỗi giáo viên thực hiện một giải pháp cải tiến phương pháp, nâng cao chất lượng bộ môn.

*\* Đồ dùng dạy học:* Trong năm, giáo viên và học sinh đã tham gia làm ĐDDH các loại, chủ yếu là bảng phụ, tranh ảnh, bản biểu đồ…; giáo viên đã sử dụng hết ĐDDH sẵn có, số ĐDDH có hiệu quả 40, tổng số tiết sử dụng ĐDDH là 1670 tiết, tổng số tiết thực hành thí nghiệm là 657 tiết.

*\* Công tác dự giờ:* Các tiết dự giờ đều được rút kinh nghiệm, đóng góp được và chưa được (tổng số tiết dự giờ là 622 tiết)

*\* Sáng kiến, nghiên cứu khoa học:* *Có 16 sáng kiến* hiệu quả và khả thi áp dụng trong dạy học và quản lý.

*\* Phụ đạo học sinh yếu kém*: Ngay từ đầu năm học nhà trường tổ chức ôn tập phụ đạo cho học sinh các khối lớp qua tiết tự học buổi tối dưới sự hướng dẫn gv.

\* *Hội giảng:* 100% giáo viên tham gia

\* *Tham gia 02 dự án KHKT* cấp tỉnh và 01 dự án cấp Quốc gia

* **Hoạt động giáo dục hướng nghiệp:**

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại nhà trường được tổ chức dưới hình thức ngoại khóa. Tư vấn việc chọn nghề cho học sinh lớp 12, định hướng trong việc chọn nghề phù hợp.

* **Xây dựng văn hóa học đường:** xây dựng và triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong trường học và các tiêu chuẩn trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn.
* **Giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống:** Thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa; tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, câu lạc bộ học sinh; để hình thành các kĩ năng, thái độ, hành vi và thói quen.
* **Công tác phối hợp nhà trường gia đình và xã hội:** phối hợp chặt chẽ với gia đình theo dõi, quản lý bảo đảm an toàn cho học sinh.
* **Hỗ trợ tư vấn tâm lý và công tác xã hội trong trường học**

Nhà trường xây dựng kế hoạch, phương án tư vấn trực tuyến, tư vấn cá nhân, tiếp tục phát huy vai trò của tổ tư vấn tâm lý trong nhà trường theo hình thức trục tuyến để hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời cho học sinh khi các em gặp các vấn đề về tâm lý; lựa chọn và đăng tải nội dung tốt lên các website, các fanpage, các ứng dụng trực tuyến, hệ thống tin nhắn của nhà trường để tuyên truyền và lan toả.

* **Bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, an ninh, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường**

Phối hợp với Công an, phòng Tư pháp, Đoàn thanh niên tổ chức các đợt tuyên truyền theo hình thức trực tuyến, phổ biến giáo dục pháp luật; phòng, chống tội phạm, bạo lực học đường; văn hóa giao thông; giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống; giáo dục văn hoá khi sử dụng các trang mạng xã hội; văn hóa ứng xử trong trường học cho học sinh các trường trên địa bàn; xây dựng và thực hiện môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; môi trường văn hóa ngoài trường học để không làm ảnh hưởng đến văn hóa ứng xử trong trường học.

Tổ chức diễn đàn “Xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường” nhằm chia sẻ, trao đổi, cổ vũ những thói quen tốt, những hành động đẹp, tình bạn đẹp, kỹ năng xử lý tình huống để tránh bạo lực học đường hoặc tham gia giải quyết, hạn chế hành vi bạo lực học đường, ...

Đẩy mạnh các hoạt động nêu gương người tốt, việc tốt trong tập thể, trong cộng đồng và triển khai thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động "Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp” trên mạng xã hội; Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống qua nhiều hình thức đa dạng.

**6.Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.**

**6.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp**

* Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường: Tổng số: 542 HS/19 lớp (Cuối năm học còn 519 HS/19 lớp)
* Khối THCS: 12 lớp (Khối 6: 3 lớp, Khối 7: 3 lớp; Khối 8: 3 lớp; Khối 9: 3 lớp)
* Khối THPT: 7 lớp (Khối 10: 3 lớp; Khối 11: 2 lớp; Khối 12: 2 lớp)

**6.2. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

* Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường: Số lượng 64
* Ban giám hiệu: 04; Giáo viên: 47; Nhân viên: 13. Tổ CM: 05 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng quản trị. Cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu triển khai CT GDPT 2018.

**6.3. Sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương**

* Sách giáo khoa cấp cho học sinh mượn đầy đủ, kịp thời trước khai giảng năm học bảo đảm chất lượng, đúng quy định.
* Tài liệu giáo dục địa phương lớp 9 và lớp 12 năm học 2024-2025, được photocoppy kịp thời, phát cho học sinh triển khai từ đầu năm học

**6.4. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu**

* Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu của nhà trường được trang cấp đầy đủ.Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học
* Tiếp tục phát triển học liệu số để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

**7. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lí giáo dục**

* Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường có hiệu quả, giao quyền tự chủ cho tổ chuyên môn trong việc quản lý kế hoạch giáo dục cá nhân và kế hoạch bài dạy của giáo viên, bảo đảm chất lượng, thiết thực, hiệu quả.
* Áp dụng chuyển đổi số trong dạy học và quản lý, thực hiện hiệu quả việc tinh giản hồ sơ, sổ sách, thực hiện việc chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập, rèn luyện của học sinh cấp trung học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT.
* Tham gia tích cực các kì thi, cuộc thi do Sở GDĐT, Bộ GDĐT phát động, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định. Nhà trường chuẩn bị tốt cho việc tổ chức kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông đảm bảo công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn
* Thực hiện CT GDPT 2018 hiệu quả; việc dạy thêm, học thêm; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa; quản lý hoạt động dạy học; công tác tuyển sinh đầu cấp...được tổ chức nghiêm túc, đúng quy định.
* Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh

|  |
| --- |
| **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
|  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |